

Số: 125/KH-THHL

Huổi Lèng, ngày 16 tháng 9 năm 2023

KẾ HOẠCH THỰC HIỆN 3 CÔNG KHAI NĂM HỌC 2023 - 2024

I. Căn cứ pháp lý:

Căn cứ Thông tư 36/2017/TT-BGDĐT, ngày 28/12/2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế thực hiện công khai đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân;

Căn cứ Thông tư số 32/2018/TT-BGD&ĐT ngày 26/12/2018 của Bộ giáo dục và Đào tạo ban hành Chương trình giáo dục phổ thông;

Căn cứ Thông tư số 28/2020/TT-BGD&ĐT ngày 04/09/2020 của Bộ giáo dục và Đào tạo ban hành Điều lệ trường Tiểu học;

Căn cứ Quyết định số 1225/QĐ-UBND ngày 04/8/2023 của UBND tỉnh Điện Biên về việc ban hành Kế hoạch thời gian năm học 2023-2024 đối với giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên trên địa bàn tỉnh Điện Biên;

Căn cứ Quyết định số 2258/QĐ-UBND ngày 12/12/2022 của UBND tỉnh về việc giao chỉ tiêu Kế hoạch phát triển kinh tế-xã hội, đảm bảo quốc phòng an ninh năm 2023, tỉnh Điện Biên;

Căn cứ Quyết định số 5455/QĐ-UBND ngày 16/12/2022 của UBND huyện Mường Chà về việc giao chỉ tiêu Kế hoạch phát triển kinh tế-xã hội, đảm bảo quốc phòng an ninh năm 2023, huyện Mường Chà;

Căn cứ Công văn số 2028 /SGDĐT-GDMN-TH ngày 18/08/2023 của Sở Giáo dục và Đào tạo về việc hướng dẫn nhiệm vụ giáo dục tiểu học năm học 2023-2024;

Căn cứ Công văn số 948 /PGDĐT-GDTH ngày 25/08/2023 của Phòng Giáo dục và Đào tạo về việc hướng dẫn nhiệm vụ trọng tâm giáo dục tiểu học năm học 2023-2024;

Căn cứ Kế hoạch số 88/KH-THHL ngày 04/9/2023 kế hoạch giáo dục nhà trường năm học 2023-2024 của trường PTDTBT Tiểu học Huổi Lèng.

Trường PTDTBT Tiểu học Huổi Lèng xây dựng Kế hoạch thực hiện việc “3 công khai” trong công tác quản lý chỉ đạo các hoạt động của nhà trường năm học 2023-2024 cụ thể như sau:

II. Mục tiêu thực hiện công khai:

Công khai của cơ sở giáo dục theo định hướng nhằm nâng cao tính minh bạch, phát huy tính dân chủ, tăng cường tính tự chủ và tự chịu trách nhiệm của các cơ sở giáo dục trong quản lý nguồn lực và nâng cao hiệu quả giáo dục.

Điều chỉnh và tác động đến các hoạt động của các cơ sở giáo dục về công khai chất lượng giáo dục, điều kiện đảm bảo cho chất lượng giáo dục và thu chi tài chính để các thành viên của cơ sở giáo dục và xã hội tham gia giám sát, đánh giá cơ sở giáo dục theo qui định của Pháp luật.

Thực hiện Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28/12/2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế thực hiện công khai đối với các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân;

III. Các nội dung thực hiện công khai.

Công khai về các điều kiện đảm bảo chất lượng giáo dục:

Phần I: ĐỘI NGŨ, CƠ SỞ VẬT CHẤT

1. Đội ngũ:

Nhân lực	Số lượng	Nữ	DT	Đảng viên	Đại học	Cao đẳng	Trung cấp	Biên chế	HD trường + thoả thuận
BGH	4	2	1	4	4	0	0	4	
Giáo viên	31			18	29	2	0	31	
Kế toán	1	0	1	1	0	0	1	1	
Thư viện	1	0	0	0	1	0	0	1	
Y tế	1	1	1	1	0	0	1	1	
Cộng	38			23	34	2	2	38	

2. Cơ sở vật chất

Danh mục	Nội dung	Đ. vị tính	T. số	Kiên cố	Bán kiên cố	Phòng tạm
1. Khối phòng hành chính quản trị	Phòng Hiệu trưởng	Phòng	1	1	0	0
	Phòng Hiệu trưởng	Phòng	1	0	1	0
	Văn phòng	Phòng	1	1	0	0
	Phòng Bảo vệ	Phòng	1	0	1	0
	Khu VS GV,CB, NV	Phòng	1	0	1	0
	Khu để xe GV,CB, NV	Phòng	1	0	1	0
	Phòng học	Phòng	20	20	0	0

2. Khối phòng học tập.	Phòng Âm nhạc	Phòng	1	1	0	0
	Phòng Mĩ thuật	Phòng	0	0	0	0
	Phòng Tin học	Phòng	1	1	0	0
	Phòng Ngoại ngữ	Phòng	1	1	0	0
3. Khối phòng hỗ trợ học tập	Phòng Thư viện	Phòng	1	1	0	0
	Phòng thiết bị giáo dục	Phòng	0	0	0	0
	Phòng Đội Thiếu niên	Phòng	1	0	1	0
4. Khối phụ trợ	Phòng họp	Phòng	1	1	0	0
	Phòng Y tế	Phòng	1	0	1	0
	Nhà kho	Nhà	1	0	1	0
	Khu để xe học sinh	Khu	0	0	0	0
	Khu vệ sinh học sinh	Khu	1	1	0	0
	Cổng	Cái	1	1	0	0
	Hàng rào	m	560			
5. Khu sân chơi, thể dục thể thao	Sân chung của Nhà trường	M ²	2000			
	Sân thể dục, thể thao	M ²	200			

*** Khuôn viên:**

Diện tích đất cấp bìa đồ: 10.408,6.m²; Có đủ sân chơi, bãi tập; Nguồn nước sử dụng nước sạch nông thôn. Cảnh quan luôn xanh, sạch, đẹp, thân thiện và an toàn.

III. Các công trình khác

- Khu vệ sinh: 02 (GV: 01 (tự hoại); HS: 01 (tự hoại))
- Nhà để xe: 01 (GV: 01)

IV- Sách - Thiết bị dạy và học

- Máy tính: 16 cái (xách tay 03; máy bàn 13)
- Máy chiếu: 05; Vô tuyến: 01
- Máy ảnh: 0
- Sách và các thiết bị đồng bộ khác đảm bảo tối thiểu cho các khối học trong trường.

Phần II: Chất lượng giáo dục

I. Học sinh:

- Tổng số lớp: 20; Tổng số học sinh: 444; Tỷ lệ học sinh/lớp: 22,2 HS/lớp.

- Học sinh từ lớp 1- 5: Học 9 buổi/tuần;
- HS được học 2 buổi/ngày $444/444 = 100\%$

Khối	Số lớp	Số học sinh		Dân tộc		HS nghèo	HS cận nghèo	K. tật	Lưu ban		HS xã # đến học	HS học T. Anh	HS học Tin học
		TS	Nữ	TS	Nữ				TS	Nữ	Tổng số		
1	5	88	55	62	59	69		1	0	0	1	0	0
2	6	95	41	40	40	65		1	0	0	0	0	0
3	3	85	44	41	40	55		2	0	0	1	85	85
4	3	91	49	48	47	66		2	0	0	1	91	91
5	3	83	42	41	41	54		1	0	0	1	85	85
TS	20	444	231	232	227	309		7	0	0	4	261	261

II. Chất lượng giáo dục:

1. Đối với học sinh

- Lớp 1;2:
- + Về năng lực

Năng lực	TSHS	Tốt	Đạt	CCG	Ghi chú
Năng lực cốt lõi					
Tự chủ, tự học	183	$108/183 = 59\%$	$75/183 = 41\%$	0	
Giao tiếp và hợp tác	183	$105/183 = 57,4\%$	$78/183 = 42,6\%$	0	
Giải quyết vấn đề và sáng tạo	183	$100/183 = 54,6\%$	$83/183 = 45,4\%$	0	
Năng lực đặc thù					
Ngôn ngữ	183	$106/183 = 54,6\%$	$77/183 = 45,4\%$	0	
Tính toán	183	$100/183 = 54,6\%$	$83/183 = 45,4\%$	0	
Khoa học	183	$100/183 = 54,6\%$	$83/183 = 45,4\%$	0	
Thẩm mỹ	183	$101/183 = 55,2\%$	$82/183 = 44,8\%$	0	
Thể chất	183	$108/183 = 59\%$	$75/183 = 41\%$	0	
Công nghệ	183	0	0	0	

Tin học	183	0	0	0	
---------	-----	---	---	---	--

+ Về phẩm chất

Phẩm chất	TSHS	Tốt	Đạt	CCG	Ghi chú
Yêu nước	183	121/183 = 66,1%	62/183 = 33,9%	0	
Nhân ái	183	116/183 = 63,4%	67/183 = 36,6%	0	
Chăm chỉ	183	101/183 = 55,2%	82/183 = 44,8%	0	
Trung thực	183	116/183 = 63,4%	67/183 = 36,6%	0	
Trách nhiệm	183	104/183 = 56,8%	79/183 = 43,2%	0	

+ Các môn học/HĐGD

Môn học	TSHS	HTT	HT	CHT	Ghi chú
Toán	183	103/183 = 56,3%	80/183 = 43,7%	0	
Tiếng Việt	183	101/183 = 55,2%	82/183 = 44,8%	0	
Đạo đức	183	101/183 = 55,2%	82/183 = 44,8%	0	
Tự nhiên và XH	183	100/183 = 54,6%	83/183 = 45,4%	0	
GĐTC	183	103/183 = 56,3%	80/183 = 43,7%	0	
Nghệ thuật (AN)	183	101/183 = 55,2%	82/183 = 44,8%	0	
Nghệ thuật (MT)	183	99/183 = 54,1%	84/183 = 45,9%	0	
HĐTN	183	100/183 = 54,6%	83/183 = 45,4%	0	
Tiếng Anh	183	0	0	0	

- Đối với khối lớp 3;4;5:

+ Về năng lực:

Năng lực	TSHS	Tốt	Đạt	CCG	Ghi chú
Tự phục vụ, tự quản	261	163/261 = 62,5%	98/261 = 37,5%	0	
Hợp tác	261	158/261 = 60,5%	103/261 = 39,5%	0	
Tự học và giải quyết vấn đề	261	150/261 = 57,5%	111/261 = 42,5%	0	

+ Về phẩm chất:

Phẩm chất	TSHS	Tốt	Đạt	CCG	Ghi chú
Chăm học, chăm làm	261	163/261 = 62,5%	98/261 = 37,5%	0	
Tự tin, trách nhiệm	261	158/261 = 60,5%	103/261 = 39,5%	0	
Trung thực, kỷ luật	261	163/261 = 62,5%	98/261 = 37,5%	0	
Đoàn kết, yêu thương	261	158/261 = 60,5%	103/261 = 39,5%	0	

+ Các môn học/HĐGD:

Môn học	TSHS	HTT	HT	CHT	Ghi chú
Tiếng Việt	261	150/261 = 57,5%	111/216 = 42,5%	0	
Toán	261	148/261 = 56,7%	113/261 = 43,3%	0	
Đạo đức	261	154/261 = 59%	107/261 = 41%	0	
TN&XH	85	49/85 = 57,6%	36/85 = 42,4%	0	
Khoa học	176	109/176 = 61,9%	67/176 = 38,1%	0	
Lịch sử và Địa lý	176	103/176 = 58,5%	73/176 = 41,5%	0	
Âm nhạc	261	150/261 = 57,5%	111/216 = 42,5%	0	
Mĩ thuật	261	150/261 = 57,5%	111/216 = 42,5%	0	
Thủ công, Kỹ thuật	176	109/176 = 61,9%	67/176 = 38,1%	0	
Thể dục	261	151/261 = 57,9 %	110/261 = 42,1%	0	
Tiếng Anh	261	144/261 = 55,2%	117/261 = 44,8%	0	
Tin học	261	145/261 = 55,6%	116/261 = 44,4%	0	

- Tuyển sinh vào lớp 1: 100%

- Duy trì sĩ số: 100%

- Hoàn thành chương trình lớp học (Đối với HS lớp 1;2;3;4): 357/359 = 99,4%

- Hoàn thành chương trình tiểu học (Đối với HS lớp 5): 85/85 = 100%

- Khen thưởng cuối năm học:

+ Đối với lớp 3; 4; 5: Học sinh hoàn thành xuất sắc các nội dung học tập và rèn luyện 61/261 = 23,4%; Học sinh có thành tích vượt trội: 83/261 = 31,8%.

+ Đối với lớp 1; 2: 182/183 = 99,5%; Trong đó:

Học sinh Xuất sắc: 22/183 = 12%

Học sinh tiêu biểu hoàn thành tốt trong học tập và rèn luyện: $59/183 = 32,2\%$

2.4.2. Đối với giáo viên

TT	Nội dung	Năm học 2022-2023		Năm học 2023-2024
1. Hồ sơ	Hồ sơ tổ khối	Tốt		Tốt
	Hồ sơ Giáo viên	Tốt	20%	20%
		Khá	80%	80%
2. Thao giảng, dự giờ	Thao giảng	2 tiết/GV/năm học		2 tiết/GV/năm học
	Dự giờ			
	Dự giờ của giáo viên	56 tiết/năm học		56 tiết/năm học
	Dự giờ của tổ trưởng	28 tiết/năm học		28 tiết/năm học
	Hiệu trưởng dự giờ	28 tiết/năm học		28 tiết/năm học
	Phó hiệu trưởng dự giờ	40 tiết/năm học		40 tiết/năm học
3. KT chuyên môn; KT toàn diện	Kiểm tra chuyên môn	28/28= 100%		28/28= 100%
	Kiểm tra toàn diện	10/28 = 35,7%		10/28 = 35,7%
4. Đồ dùng, thiết bị dạy học	Bảo quản TB dạy học	Tốt		Tốt
	Sử dụng thiết bị	100%		100%
	Tự làm đồ dùng	4 đồ dùng/năm học		4 đồ dùng /năm học
5. Sáng kiến	SK được XL ở trường đối với DH bậc cao	Đạt 100%		Đạt 100%
6. Giáo viên dạy giỏi	Cấp trường	25/30 = 83,3%		25/30 = 83,3%
	Cấp huyện	7/30 = 23,3%		7/307/30 = 23,3%
	Cấp tỉnh	0		1/30 = 3,3%
7. Triển khai chuyên môn, chuyên đề	Triển khai đầy đủ các CĐ do PGD tổ chức; Mở thêm chuyên đề cấp trường	6 chuyên đề		6 chuyên đề
8. Danh hiệu thi đua	Lao động tiên tiến	37/39 = 94,9%		38/39 = 97,4%
	Chiến sĩ thi đua	5/39 = 12,8%		6/39 = 15,4%
	Hoàn thành nhiệm vụ	1/39 = 3,3%		1/39 = 3,3%

9. Chuẩn NNGV; Chuẩn HT; Chuẩn PHT	XL Chuẩn nghề nghiệp GVTH	Tốt	20/31 = 64,5%	20/31 = 64,5%
		Khá	11/31 = 35,5%	11/31 = 35,5%
		Đạt	0	0
	XL Chuẩn Hiệu trưởng	Tốt: 1	Tốt: 1	
	XL Chuẩn Phó hiệu trưởng	Tốt: 3	Tốt: 3	
10. Đánh giá, xếp loại viên chức cuối năm	HTXSNV	20/35 = 57.1%	20/35 = 57.1%	
	HTTNV	11/35 = 31,4%	11/35 = 31,4%	
	HTNV	4/35 = 11,5%	4/35 = 11,5%	
11. Phương pháp BTNB	Số tiết dạy có áp dụng PP “Bàn tay nặn bột”	22 tiết	26 tiết	
11. UĐCNTT	Số tiết dạy có ứng dụng CNTT	32 tiết	32 tiết	
12. Danh hiệu các lớp	Lớp tiên tiến	4/20 = 20%	2/20 = 10%	
	Lớp tiên tiến xuất sắc	16/20 = 80%	18/20 = 90%	

2.4.3. Tập thể

<i>Nội dung</i>	<i>Năm học 2022-2023</i>	<i>Năm học 2023-2024</i>
Hồ sơ nhà trường	Tốt	Tốt
Thực hiện luật ATGT	100%	100%
Thư viện nhà trường	Đạt TVXS	Duy trì TVXS
Thực hiện tốt chính sách dân số kế hoạch hóa gia đình	80%	100%
Gia đình văn hóa	80%	100%
Phổ cập GDTH; PCGD-XMC	Đạt PCGD mức độ 3; XMC mức độ 2	Duy trì PCGD mức độ 3; XMC mức độ 2
PTrào "Trường học thân thiện - HSTC"	Đạt Xuất sắc	Duy trì Xuất sắc
Danh hiệu trường	Tập thể LĐXS	Tập thể LĐXS
Liên đội	Mạnh XS cấp huyện	Mạnh XS cấp huyện

Công đoàn	Vững mạnh cấp huyện	Vững mạnh cấp huyện
Chi bộ	HTTNV	HTXSNNV
Cơ quan văn hoá	Đạt	Đạt

Phần III: Tài chính

Công khai thu chi tài chính: Tình hình tài chính của nhà trường: công khai tài chính theo Quyết định số 192/2004/QĐ-TTg (16/11/2004) của Thủ tướng Chính phủ về ngân sách và có sự đóng góp của nhân dân; Thông tư số 61/2017/TT-BTC (15/06/2017) của Bộ tài chính Hướng dẫn về công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách nhà nước, tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ. Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách và các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ.

I. Ngân sách nhà nước cấp (Có phụ biểu đính kèm)

- Các khoản chi theo từng năm học như: chi lương, chi bồi dưỡng chuyên môn, chi hội họp, chi tham quan học tập; mức thu nhập của giáo viên, CBQL (mức cao nhất, mức thấp nhất), chi thường xuyên, chi đầu tư sửa chữa, mua sắm.

- Kết quả thực hiện chính sách về trợ cấp hàng năm và miễn, giảm học phí cho học sinh thuộc các đối tượng chính sách xã hội (đính kèm bảng thống kê, báo cáo chi tiết).

Năm 2022		Năm 2023	
<i>Dự toán giao</i>	<i>Chi</i>	<i>Dự toán giao</i>	<i>Chi</i>
8.990.060.000	8.827.017.000	8.398.960.000	6.203.360.000

Năm học 2022 - 2023		Năm học 2023 - 2024	
<i>Thu + Tồn năm trước</i>	<i>Chi</i>	<i>Dự thu + tồn năm học trước chuyển sang</i>	<i>Dự chi</i>
0	8.826.640.550	376.450	8.398.960.000

II. Về hình thức và địa điểm, thời điểm công khai :

- Tổ chức công khai công khai trên trang thông tin điện tử của trường, công khai trong Hội đồng sư phạm nhà trường, công khai trước toàn thể phụ huynh; các

biểu mẫu công khai được niêm yết ở phòng Hội đồng giáo viên, bảng tin của trường để thuận tiện cho mọi người theo dõi.

- Công khai trên trang web của trường PTDTBT Tiểu học Huổi lèng (<https://thhuoileng.pgdmuongcha.edu.VN>)

- Công khai trong buổi sơ kết, tổng kết.

- Công khai thông qua họp phụ huynh học sinh, họp hội đồng nhà trường.

- Công khai qua các báo cáo sơ kết, tổng kết.

* Thời điểm công khai: Tháng 9 (đầu năm học), tháng 01 (sau sơ kết học kỳ I), tháng 6 (cuối năm học), và các thời điểm có sự thay đổi về các số liệu trong các biểu mẫu công khai.

III. Tổ chức thực hiện:

1. Trách nhiệm của Hiệu trưởng nhà trường:

- Tổ chức triển khai quy chế công khai theo Thông tư 36/2017-TT-BGD&ĐT; Thông tư số 61/2017/TT-BTC (15/06/2017) của Bộ tài chính Hướng dẫn về công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách nhà nước, tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ. Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách và các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ đến hội đồng sư phạm; phụ huynh học sinh; ...

- Thành lập ban chỉ đạo thực hiện quy chế công khai, phân công trách nhiệm phụ trách đối với các thành viên.

- Xây dựng quy chế với các nội dung, thời gian và hình thức công khai của đơn vị theo Thông tư 36/2017-TT-BGD&ĐT. Căn cứ thực tế của đơn vị xây dựng phần kế hoạch cụ thể.

- Chấp hành sự kiểm tra, giám sát của Phòng GD-ĐT; báo cáo kịp thời về Phòng GD-ĐT vào đầu mỗi học kỳ, mở thêm mục trong báo cáo hàng tháng của trường.

2. Thành lập Ban chỉ đạo thực hiện quy chế công khai

- Ban Chỉ đạo của Trường do Hiệu trưởng làm Trưởng ban. Phó Hiệu trưởng và Chủ tịch Công đoàn là các Phó trưởng ban. Trưởng các bộ phận, tổ chức đoàn là các uỷ viên của Ban chỉ đạo.

- Hiệu trưởng (Trưởng ban chỉ đạo) tổ chức học tập, quán triệt nội dung Thông tư 36/2017/TT-BGD&ĐT trong Hội đồng sư phạm nhà trường.

- Các thành viên trong ban chỉ đạo thực hiện theo sự phân công của trưởng, phó ban, căn cứ Quy chế công khai ban hành theo Thông tư số 36/2017/TT-BGD&ĐT của Bộ Giáo dục và Đào tạo để tiến hành thu thập thông tin, số liệu kê

khai các biểu mẫu; báo cáo nội dung công khai: Công khai cam kết chất lượng giáo dục và chất lượng giáo dục thực tế; Công khai điều kiện đảm bảo chất lượng giáo dục; Công khai thu, chi tài chính theo biểu mẫu đồng thời phải bảo đảm thời gian hoàn tất báo cáo để công khai trước tập thể nhà trường, phụ huynh học sinh và cơ quan lãnh đạo Phòng Giáo dục- Đào tạo đúng lộ trình đề ra trong kế hoạch.

- Phó ban trực, Phó ban giám sát, ủy viên Thanh tra giúp Trưởng ban thường xuyên kiểm tra, đôn đốc thành viên Ban chỉ đạo thực hiện nghiêm túc Quy chế và văn bản hướng dẫn thực hiện kế hoạch công khai của Phòng Giáo dục và Đào tạo.

3. Phân công nhiệm vụ các thành viên tham gia điều tra cung cấp số liệu, thông tin.

3.1. Ông: Hoàng Thanh Nghị (TB): Chỉ đạo điều hành tổ chức triển khai

Thông tư: 36/2017/TT-BGDĐT của Bộ GD-ĐT và “3 công khai” của trường đến tất cả toàn thể cán bộ, giáo viên và nhân viên của nhà trường, PHHS.

3.2. Bà: Nguyễn Thị Thuận (phó TB thường trực): Chỉ đạo trực tiếp các thành viên tiến hành điều tra thông tin, thu thập số liệu cập nhật vào các biểu mẫu và điều hành kê khai báo cáo thu chi tài chính; tổ chức kiểm tra và nhập thông tin trên máy vi tính.

3.3. Bà: Trịnh Thị Thoa (Phó TB giám sát): Thực hiện chức năng giám sát các cá nhân, bộ phận kê khai thông tin trên các báo cáo, biểu mẫu trung thực, chính xác, tập hợp các loại hồ sơ để niêm yết công khai như: Nội quy, Quy chế làm việc của nhà trường; Quy chế dân chủ cơ sở; Bản tổng hợp chất lượng giáo dục; Bảng phân lao động; Quy chế chi tiêu nội bộ năm 2022 và năm 2023; kiểm tra thời gian tổ chức công khai, địa điểm công khai và thường xuyên báo cáo Trưởng ban về tình hình triển khai Quy chế thực hiện công khai đối với cơ sở giáo dục nhà trường.

3.4. Bà: Đoàn Thị Thao (Thư ký): Tổng hợp thông tin báo cáo, các biểu mẫu kê khai, nhập dữ liệu trên máy vào các biểu mẫu báo cáo.

3.5. Nhóm công tác gồm: Mào Thị Hải (nhóm trưởng), Lò Thị Mai Hương, kê khai biểu mẫu số 05, 09.

3.6. Nhóm công tác gồm: Hoàng Thanh Toàn (nhóm trưởng), Trần Kim Anh kê khai biểu mẫu 10, 11.

3.7. Báo cáo thu, chi tài chính: Bùi Văn Mạnh - Kế toán.

3.8. Tổng hợp nhập máy các biểu mẫu, báo cáo, chọn địa điểm để niêm yết công khai các nội dung quy định theo Thông tư 09/2009-TT-BGDĐT và ghi chép biên bản các cuộc họp Ban chỉ đạo và Hội đồng sư phạm, giúp Trưởng ban hoàn thành kế hoạch thực hiện Quy chế công khai: Đoàn Thị Thao; Lò Phương Thảo.

Ghi chú: Các nội dung “3 công khai” và các loại Quyết định, Biên bản, Thông báo về công khai thu – chi ngân sách các quý, 6 tháng đầu năm, cả năm;

công khai về cơ sở vật chất; chất lượng giáo dục, tuyển sinh, chế độ chính sách của người học có liên quan được công khai trên trang thông tin điện tử của trường (<https://thhuoileng.pgdmuongcha.edu.vn>), niêm yết thường xuyên tại Phòng hội đồng để CB-CC và PHHS có điều kiện theo dõi cụ thể hơn.

Nơi nhận:

- PGDĐT huyện Mường Chà;
- Các tổ chuyên môn, GV, NV;
- Lưu: VT, TH.

HIỆU TRƯỞNG



Hoàng Thanh Nghị